

Bản án số: **224/2019/DS-PT**

Ngày: 26/12/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Bùi Thị Cẩm Thúy.

2/- Ông Nguyễn Văn Hải..

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Lê Kim L.** sinh năm: 1966. Địa chỉ: Hùng V, phường Thới B, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Anh **Đoái Phước M.** sinh năm: 1986. Địa chỉ: Nguyễn T, phường Thới B, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn anh **Đoái Phước M.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Nguyên đơn bà Lê Kim L trình bày:**

Ngày 12/5/2011 và ngày 17/5/2011 bà có cho ông **Đoái Phước T** (cha anh **M**) vay lần lượt là 500.000.000 đồng và 270.000.000 đồng. Sau đó bà biết ông **T** cho bà **Đặng Thị Long H** vay lại để đáo nợ Ngân hàng. Thời gian sau thì bà **H** bị xét xử về tội lừa đảo và ông **T** là bị hại trong vụ án. Bà đã nhiều lần liên hệ với ông **T**, nhưng ông **T** không trả được khoản tiền trên và có đóng lãi cho bà nhiều lần tổng cộng 50.000.000 đồng. Năm 2013 bà và ông **T** thỏa thuận khi ông **T** nhận tiền bồi thường sẽ trả cho bà 500.000.000 đồng và bà chia sẻ rủi ro với ông **T**. Bà cũng sợ hết thời hiệu khởi kiện và vì hai biên nhận năm 2011 chỉ ghi trên mẫu giấy nhỏ. Do đó ngày 20/3/2013 ông **T** xác nhận trong biên nhận ngày 12/5/2011

được photo lại. Nội dung xác nhận do ông T tự viết và ký tên. Năm 2014 ông T hện lại sẽ trả hết tiền vào tháng 9/2014.

Tuy nhiên ông T cùng vợ và con gái đã chết trong vụ hỏa hoạn. Do anh M là người thừa hưởng di sản duy nhất của ông T, nên sau khi chôn cất ông T bà có liên hệ với anh M và nói nếu anh M đồng ý trả thì bà cũng chỉ nhận 500.000.000 đồng. Anh M yêu cầu cho thời gian suy nghĩ, nhưng sau đó anh M không đồng ý trả nên bà khởi kiện yêu cầu anh M thay ông T trả lại cho bà 770.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định. Song, tại phiên tòa sơ thẩm bà rút lại yêu cầu không tính lãi suất.

** Bị đơn anh Đoái Phước M trình bày:*

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, vì các giấy tờ trên không phải là biên nhận vay tiền; Bà L ghi trong biên nhận không biết là bà L nào; không biết biên nhận có phải chữ ký của cha anh không; cũng có khả năng bà L mượn tiền cha anh và sau đó trả lại cha anh.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đưa ra xét xử; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Đoái Phước M trả cho bà Lê Kim L 770.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc chịu lãi chậm thi hành án, chi phí giám định, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/4/2018 bị đơn anh Đoái Phước M kháng cáo không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện vì nguyên đơn không đưa ra bằng chứng nào rõ ràng thể hiện biên nhận là hợp đồng vay nợ; yêu cầu giám định lại chữ viết, chữ ký, màu mực, loại mực viết và nội dung trên chứng cứ của nguyên đơn đưa ra thể hiện ông Đoái Phước T viết ngày 20/3/2013. Xác định người viết là ai, loại mực viết trên giấy có đồng nhất với nhau không, thể hiện nội dung là gì; yêu cầu hủy án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về thời điểm, địa điểm và Tòa án đã thực hiện đúng quy định; Về nội dung nội quy án: đã nghe lời nguyên án sự thẩm vì kháng cáo của bị đơn không có căn cứ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả thay khoản nợ vay do cha bị đơn chết để lại. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do cụ Nguyễn Thị Á là mẹ của ông Đoái Phước T đã có văn bản từ chối nhận di sản và anh Đoái Phước M đã mở thừa kế, là người duy nhất nhận di sản từ ông T. Đồng thời cơ quan Tài nguyên Môi trường cũng xác nhận anh M đang

đứng tên nhà và đất do ông T chết để lại. Do đó cấp sơ thẩm không đưa mẹ ông T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là có căn cứ.

*** Về nội dung:**

[2] Bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn không chứng minh được ông T có biên nhận là hợp đồng vay nợ; yêu cầu giám định lại chữ viết, chữ ký, màu mực, loại mực viết và nội dung trên giấy viết ngày 20/3/2013 xác định người viết là ai, loại mực viết trên giấy có đồng nhất với nhau không, thể hiện nội dung là gì; yêu cầu hủy án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đánh giá những luận cứ này, thấy rằng:

[2.1] Căn cứ Biên nhận ngày 12/5/2011 (BL 31) có nội dung “Tôi có nhận của cô Loan 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)”, mặc dù là bản photo nhưng phía dưới ông Đoái Phước T có viết nội dung mang tính xác nhận vào ngày 20/3/2013 là: “Số tiền này tôi chưa thanh toán & tôi sẽ có trách nhiệm”. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận đây là khoản tiền ông T đã vay mượn của bà L, chưa trả và ông cam kết có trách nhiệm trả.

Đối với Biên nhận ngày 17/5/2011 (BL 30) là bản gốc có nội dung “Tôi có nhận của cô L 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng)”, chứ không phải nội dung “Tôi có nhận của cô L trả...” hoặc “Cô L trả cho tôi...” nội dung thể hiện rõ ông T “nhận”. Đây là chứng cứ chứng minh văn bản vay mượn tiền của ông T đối với bà L.

[2.2] Theo yêu cầu của bị đơn, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định lại chữ viết, chữ ký của ông Đoái Phước T trên giấy viết ngày 20/3/2013 và đã được Viện Khoa học hình sự-Bộ Công an Kết luận số 382/C09-P5 ngày 15/11/2019 phù hợp với hai bản Kết luận giám định số 134/KLGĐ-PC54 ngày 21/7/2016 và Kết luận giám định số 76/KLGĐ-PC54 ngày 20/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an thành phố Cần Thơ, đều xác định chính là chữ viết, chữ ký của ông Đoái Phước T.

[2.3] Mặc dù trên các biên nhận (giấy nợ) chữ ghi “Cô L” không ghi họ tên đầy đủ, nhưng bà Lê Kim L là người nợ và cung cấp các tài liệu mà ông T ký nhận với bà. Do đó có cơ sở kết luận bà L ghi trong các biên nhận chính là bà Lê Kim L nguyên đơn trong vụ án này. Các luận cứ của bị đơn đưa ra là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền do ông Đoái Phước T lúc còn sống đã vay mượn của bà L trả; bởi vì anh là người hưởng thừa kế toàn bộ di sản của ông T đời theo Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005 là phù hợp và có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác nên kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm như đã nghị của Kiểm sát viên phúc thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định.

Đối với chi phí giám định lần 3, do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bị đơn không có căn cứ nên bị đơn phải chịu chi phí này là 5.100.000đ; bị đơn đã nộp tạm ứng và chi xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, 5 Điều 26; Điều 148; Điều 151; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 637 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đoái Phước M; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim L.

Buộc anh Đoái Phước M trả cho bà Lê Kim L số tiền 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2/- Về án phí và chi phí giám định:

+ Bị đơn phải chịu 34.800.000đ án phí sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm; chuyển số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000đ theo Biên lai số 007717 ngày 27/4/2018 thành án phí phúc thẩm; bị đơn đã nộp xong án phí phúc thẩm.

+ Chi phí giám định bị đơn phải chịu tổng cộng 12.100.000đ; Nguyên đơn đã tạm ứng 7.000.000đ nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn.

Nguyên đơn được nhận lại 8.700.000đ số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004141 ngày 08/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trọng tài hòng bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q.Ninh Kiều.
- Chi cục THADS.Ninh Kiều.
- Lưu (HS - 2b).

(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc